|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  Năm học: 2022 – 2023 | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.* |

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: Kiểm tra, đánh giá kiến thức, kĩ năng của học sinh qua các chương:

+ Hệ thần kinh và giác quan.

+ Hệ nội tiết

* Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết một số hiện tượng trong thực tế.

**2.** **Phát triển năng lực:**

* Kiểm tra các năng lực:

|  |  |
| --- | --- |
| Năng lực chung | Năng lực chuyên biệt |
| * Năng lực giải quyết vấn đề * Năng lực tự học * Năng lực khoa học | * Năng lực kiến thức sinh học * Năng lực nghiên cứu khoa học |

**3. Phẩm chất**: Giúp học sinh rèn luyện bản thân, phát triển các phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**II. KHUNG MA TRẬN:**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra học kì II khi kết thúc nội dung: Bài 58: Tuyến sinh dục*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm *(gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 6 câu, vận dụng: 2 câu, vận dụng cao: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 5,0 điểm *(Nhận biết: 2,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 1,0 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu TN/**  **Tổng số ý TL** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** |
| **1. Hệ thần kinh và giác quan**  *(12 tiết)* | 1 | 5 |  | 2 |  | 2 |  | 2 | 1 | 11 | 5,25 |
| **2. Hệ nội tiết**  *(5 tiết)* |  | 3 | 1 | 2 | 1 | 2 |  | 2 | 2 | 9 | 4,75 |
| **Số câu** | **1** | **8** | **1** | **4** | **1** | **4** |  | **4** | **3** | **20** | **10** |
| **Điểm số** | **2,0** | **2,0** | **2,0** | **1,0** | **1,0** | **1,0** |  | **1,0** | **5,0** | **5,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |
| **Tỉ lệ** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **100%** | |  |

**III. BẢN ĐẶC TẢ:** (Đính kèm trang sau)

**IV. ĐỀ KIỂM TRA:** (Đính kèm trang sau)

**V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM CHI TIẾT:** (Đính kèm trang sau)

**III. BẢN ĐẶC TẢ:**

| **Nội dung** | **Tỉ lệ** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
| **Hệ thần kinh và giác quan** | **52,5%** | Nhận biết | - Nhận biết được chức năng các phần của não  - Nhận biết các bộ phận cấu tạo của tai  - Nêu được ý nghĩa của phản xạ có điều kiện |  | 5 |  | C1  C2  C3  C4  C5 |
| Thông hiểu | - Phân biệt các bộ phận cấu tạo của tai,  - Phân biệt tính chất của phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện | 1 | 2 | C22 | C9  C10 |
| Vận dụng | - Lấy được ví dụ về phản xạ có điều kiện ở người.  - Vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề thực tế. |  | 2 |  | C13  C14 |
| Vận dụng cao | - Vận dụng kiến thức trả lời câu hỏi thực tế |  | 2 |  | C17  C18 |
| **Hệ nội tiết** | **4,75%** | Nhận biết | - Nêu được đặc điểm của các tuyến nội tiết  - Nêu được chức năng của hoocmon sinh dục  - Nêu được đặc điểm của hệ nội tiết  - Nêu được đặc điểm của hoocmon tuyến giáp | 1 | 3 | C21 | C6  C7  C8 |
| Thông hiểu | - Mô tả được chức năng của 1 số tuyến nội tiết quan trọng trong cơ thể |  | 2 |  | C11  C12 |
| Vận dụng | - Vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề thực tế. | 1 | 2 | C23 | C15  C16 |
| Vận dụng cao | - Vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề thực tế |  | 2 |  | C19  C20 |
| **Tổng số câu** | | | | **3** | **20** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Mã đề: HKII.SH8.101** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.*  *Ngày thi: 03/05/2023* |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.**

**Câu 1. Ếch sẽ nhảy và bơi loạng choạng khi phá hủy một phần**

**A.** trụ não. **B.** não trung gian. **C.** đại não. **D.** tiểu não.

**Câu 2. Ở người não trung gian có chức năng**

**A.** là trung ương điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt.

**B.** điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa

**C.** điều khiến các hoạt động có ý thức ở người.

**D.** điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**Câu 3. Ở vỏ não người, rãnh đỉnh là nơi ngăn cách giữa**

**A.** thùy đỉnh và thùy thái dương. **B.** thùy chẩm với thùy đỉnh.

**C.** thùy thái dương và thùy chẩm. **D.** thùy trán với thùy đỉnh.

**Câu 4. Ống tai có chức năng**

**A.** hướng sóng âm. **B.** hứng sóng âm. **C.** tiết ra ráy tai. **D.** thu nhận sóng âm.

**Câu 5. Ở người, sự học tập, rèn luyện, xây dựng hay thay đổi các thói quen là kết quả của quá trình hình thành**

**A.** các phản xạ không điều kiện. **B.** các phản xạ có điều kiện.

**C.** và ức chế các phản xạ không điều kiện. **D.** và ức chế các phản xạ có điều kiện.

**Câu 6. Loại hoocmon gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nam giới là**

**A.** ơstrôgen. **B.** testôstêrôn. **C.** prôgestêrôn. **D.** ôxitôxin.

**Câu 7. Tuyến nội tiết là tuyến**

**A.** có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào máu.

**B.** không có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào máu.

**C.** không có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào tế bào.

**D.** có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào tế bào.

**Câu 8. Tuyến giáp là tuyến lớn nhất trong hệ nội tiết có khối lượng khoảng**

**A.** 20 – 25g . **B.** 40 – 45g. **C.** 10 – 15g. **D.** 30 – 35g.

**Câu 9. Bộ phận không nằm ở tai trong là**

**A.** ốc tai. **B.** ống bán khuyên. **C.** chuỗi xương tai. **D.** cơ quan Coocti.

**Câu 10. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là**

**A.** màng nhĩ. **B.** màng tiền đình. **C.** màng bầu dục. **D.** màng cơ sở.

**Câu 11. Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?**

**A.** Tuyến sinh dục. **B.** Tuyến giáp. **C.** Tuyến tụy. **D.** Tuyến yên.

**Câu 12. Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmon nào dưới đây?**

**A.** Glucagon. **B.** ACTH. **C.** Insulin. **D.** Cooctizon.

**Câu 13. Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình**

**A.** cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật. **B.** cụ thể hóa và phân tích các sự vật.

**C.** khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật. **D.** cụ thể hóa các sự vật, hiện tượng.

**Câu 14. Ví dụ không phải về phản xạ có điều kiện là**

**A.** đi xe ngược chiều, dàn hàng ba, hàng bốn. **B.** chảy nước miếng khi nhìn thấy quả sấu.

**C.** vã mồ hôi, mặt đỏ gay gắt khi đi trời nắng. **D.** run lập cập khi mẹ biết điểm bài kiểm tra.

**Câu 15. Từ năm 2005, do nhu cầu insulin dùng trong chữa trị bệnh tiểu đường trên thế giới tăng nên các nhà khoa học đã nghiên cứu và thành công trong việc tách chiết insulin từ tuyến tụy của bò sang tiêm cho người để chữa bệnh tiểu đường. Ví dụ trên thể hiện tính chất nào của hoocmon?**

**A.** Đặc trưng cho loài. **B.** Hoạt tính sinh học cao.

**C.** Không đặc trưng cho loài. **D.** Hoạt tính sinh học thấp.

**Câu 16. Dấu hiệu nào dưới đây thường xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam?**

**A.** Sụn giáp phát triển, lộ hầu. **B.** Hông nở rộng.

**C.** Da dẻ mịn màng. **D.** Xuất hiện kinh nguyệt.

**Câu 17. Vitamin A là một thành phần cấu tạo nên rôđôpsin có ở tế bào que trong màng lưới của mắt. Nếu thiếu vitamin A, thì quá trình tổng hợp rôđôpsin bị ảnh hưởng là nguyên nhân gây ra bệnh**

**A.** quáng gà. **B.** khô mắt. **C.** viêm giác mạc. **D.** đau mắt đỏ.

**Câu 18. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng**

**A.** có thể đi theo vòi họng từ khoang tai ngoài tới khoang tai giữa.

**B.** có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**C.** có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**D.** có khả năng chống lại sự bảo vệ cơ thể của bạch cầu nên gây ra viêm tai giữa.

**Câu 19. Đối tượng có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất là**

**A.** trẻ sơ sinh. **B.** người cao tuổi.

**C.** người trưởng thành. **D.** trẻ vị thành niên.

**Câu 20. Khi đói thì tuyến tụy tiết ra glucagon có tác dụng**

**A.** chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ.

**B.** kích thích tế bào sản sinh năng lượng.

**C.** chuyển glycogen dự trữ thành glucozo.

**D.** gây cảm giác đói để cơ thể bổ sung năng lượng.

**II) TỰ LUẬN: (5 điểm) Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra.**

**Câu 21 (2 điểm):** Trình bày đặc điểm của tuyến yên.

**Câu 22 (2 điểm):** So sánh phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.

**Câu 23** **(1 điểm):** Bệnh tiểu đường, theo y học còn gọi là bệnh đái tháo đường, là một bệnh rối loạn chuyển hóa mạn tính rất phổ biến. Khi mắc bệnh tiểu đường, cơ thể bạn mất đi khả năng sử dụng hoặc sản xuất ra hormone insulin một cách thích hợp. Vậy nguyên nhân nào gây ra bệnh tiểu đường? Cách phòng tránh bệnh tiểu đường là gì?

***Chúc các con làm bài tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Mã đề: HKII.SH8.102** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.*  *Ngày thi: 03/05/2023* |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.**

**Câu 1. Tuyến nội tiết là tuyến**

**A.** có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào tế bào.

**B.** không có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào tế bào.

**C.** có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào máu.

**D.** không có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào máu.

**Câu 2. Tuyến giáp là tuyến lớn nhất trong hệ nội tiết có khối lượng khoảng**

**A.** 10 – 15g. **B.** 40 – 45g. **C.** 30 – 35g. **D.** 20 – 25g .

**Câu 3. Bộ phận không nằm ở tai trong là**

**A.** chuỗi xương tai. **B.** ống bán khuyên. **C.** cơ quan Coocti. **D.** ốc tai.

**Câu 4. Khi đói thì tuyến tụy tiết ra glucagon có tác dụng**

**A.** chuyển glycogen dự trữ thành glucozo.

**B.** chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ.

**C.** kích thích tế bào sản sinh năng lượng.

**D.** gây cảm giác đói để cơ thể bổ sung năng lượng.

**Câu 5. Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmon nào dưới đây?**

**A.** Insulin. **B.** Glucagon. **C.** Cooctizon. **D.** ACTH.

**Câu 6. Loại hoocmon gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nam giới là**

**A.** ơstrôgen. **B.** ôxitôxin. **C.** prôgestêrôn. **D.** testôstêrôn.

**Câu 7. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng**

**A.** có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**B.** có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**C.** có khả năng chống lại sự bảo vệ cơ thể của bạch cầu nên gây ra viêm tai giữa.

**D.** có thể đi theo vòi họng từ khoang tai ngoài tới khoang tai giữa.

**Câu 8. Dấu hiệu nào dưới đây thường xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam?**

**A.** Xuất hiện kinh nguyệt. **B.** Da dẻ mịn màng.

**C.** Hông nở rộng. **D.** Sụn giáp phát triển, lộ hầu.

**Câu 9. Ví dụ không phải về phản xạ có điều kiện là**

**A.** chảy nước miếng khi nhìn thấy quả sấu.

**B.** đi xe ngược chiều, dàn hàng ba, hàng bốn.

**C.** run lập cập khi mẹ biết điểm bài kiểm tra.

**D.** vã mồ hôi, mặt đỏ gay gắt khi đi trời nắng.

**Câu 10. Đối tượng có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất là**

**A.** trẻ vị thành niên. **B.** trẻ sơ sinh.

**C.** người trưởng thành. **D.** người cao tuổi.

**Câu 11. Ở vỏ não người, rãnh đỉnh là nơi ngăn cách giữa**

**A.** thùy đỉnh và thùy thái dương. **B.** thùy trán với thùy đỉnh.

**C.** thùy thái dương và thùy chẩm. **D.** thùy chẩm với thùy đỉnh.

**Câu 12. Ống tai có chức năng**

**A.** tiết ra ráy tai. **B.** thu nhận sóng âm. **C.** hướng sóng âm. **D.** hứng sóng âm.

**Câu 13. Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình**

**A.** cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật. **B.** khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật.

**C.** cụ thể hóa và phân tích các sự vật. **D.** cụ thể hóa các sự vật, hiện tượng.

**Câu 14. Vitamin A là một thành phần cấu tạo nên rôđôpsin có ở tế bào que trong màng lưới của mắt. Nếu thiếu vitamin A, thì quá trình tổng hợp rôđôpsin bị ảnh hưởng là nguyên nhân gây ra bệnh**

**A.** quáng gà. **B.** khô mắt. **C.** đau mắt đỏ. **D.** viêm giác mạc.

**Câu 15. Ếch sẽ nhảy và bơi loạng choạng khi phá hủy một phần**

**A.** đại não. **B.** trụ não. **C.** não trung gian. **D.** tiểu não.

**Câu 16. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là**

**A.** màng tiền đình. **B.** màng nhĩ. **C.** màng bầu dục. **D.** màng cơ sở.

**Câu 17. Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?**

**A.** Tuyến tụy. **B.** Tuyến giáp. **C.** Tuyến yên. **D.** Tuyến sinh dục.

**Câu 18. Từ năm 2005, do nhu cầu insulin dùng trong chữa trị bệnh tiểu đường trên thế giới tăng nên các nhà khoa học đã nghiên cứu và thành công trong việc tách chiết insulin từ tuyến tụy của bò sang tiêm cho người để chữa bệnh tiểu đường. Ví dụ trên thể hiện tính chất nào của hoocmon?**

**A.** Hoạt tính sinh học cao. **B.** Không đặc trưng cho loài.

**C.** Hoạt tính sinh học thấp. **D.** Đặc trưng cho loài.

**Câu 19. Ở người não trung gian có chức năng**

**A.** điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

**B.** điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**C.** là trung ương điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt.

**D.** điều khiến các hoạt động có ý thức ở người.

**Câu 20. Ở người, sự học tập, rèn luyện, xây dựng hay thay đổi các thói quen là kết quả của quá trình hình thành**

**A.** các phản xạ không điều kiện. **B.** các phản xạ có điều kiện.

**C.** và ức chế các phản xạ không điều kiện. **D.** và ức chế các phản xạ có điều kiện.

**II) TỰ LUẬN: (5 điểm) Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra.**

**Câu 21 (2 điểm):** Trình bày đặc điểm của tuyến yên.

**Câu 22 (2 điểm):** So sánh phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.

**Câu 23** **(1 điểm):** Bệnh tiểu đường, theo y học còn gọi là bệnh đái tháo đường, là một bệnh rối loạn chuyển hóa mạn tính rất phổ biến. Khi mắc bệnh tiểu đường, cơ thể bạn mất đi khả năng sử dụng hoặc sản xuất ra hormone insulin một cách thích hợp. Vậy nguyên nhân nào gây ra bệnh tiểu đường? Cách phòng tránh bệnh tiểu đường là gì?

***Chúc các con làm bài tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Mã đề: HKII.SH8.103** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.*  *Ngày thi: 03/05/2023* |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.**

**Câu 1. Ở người não trung gian có chức năng**

**A.** điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**B.** điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

**C.** điều khiến các hoạt động có ý thức ở người.

**D.** là trung ương điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt.

**Câu 2. Dấu hiệu nào dưới đây thường xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam?**

**A.** Hông nở rộng. **B.** Da dẻ mịn màng.

**C.** Xuất hiện kinh nguyệt. **D.** Sụn giáp phát triển, lộ hầu.

**Câu 3. Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình**

**A.** cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật. **B.** cụ thể hóa các sự vật, hiện tượng.

**C.** khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật. **D.** cụ thể hóa và phân tích các sự vật.

**Câu 4. Ví dụ không phải về phản xạ có điều kiện là**

**A.** vã mồ hôi, mặt đỏ gay gắt khi đi trời nắng. **B.** đi xe ngược chiều, dàn hàng ba, hàng bốn.

**C.** chảy nước miếng khi nhìn thấy quả sấu. **D.** run lập cập khi mẹ biết điểm bài kiểm tra.

**Câu 5. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là**

**A.** màng bầu dục. **B.** màng nhĩ. **C.** màng cơ sở. **D.** màng tiền đình.

**Câu 6. Khi đói thì tuyến tụy tiết ra glucagon có tác dụng**

**A.** kích thích tế bào sản sinh năng lượng.

**B.** chuyển glycogen dự trữ thành glucozo.

**C.** chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ.

**D.** gây cảm giác đói để cơ thể bổ sung năng lượng.

**Câu 7. Bộ phận không nằm ở tai trong là**

**A.** chuỗi xương tai. **B.** cơ quan Coocti. **C.** ốc tai. **D.** ống bán khuyên.

**Câu 8. Ở người, sự học tập, rèn luyện, xây dựng hay thay đổi các thói quen là kết quả của quá trình hình thành**

**A.** và ức chế các phản xạ không điều kiện.

**B.** các phản xạ không điều kiện.

**C.** các phản xạ có điều kiện.

**D.** và ức chế các phản xạ có điều kiện.

**Câu 9. Ống tai có chức năng**

**A.** thu nhận sóng âm. **B.** tiết ra ráy tai. **C.** hướng sóng âm. **D.** hứng sóng âm.

**Câu 10. Tuyến nội tiết là tuyến**

**A.** có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào tế bào.

**B.** không có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào máu.

**C.** có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào máu.

**D.** không có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào tế bào.

**Câu 11. Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?**

**A.** Tuyến tụy. **B.** Tuyến giáp. **C.** Tuyến sinh dục. **D.** Tuyến yên.

**Câu 12. Đối tượng có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất là**

**A.** người trưởng thành. **B.** người cao tuổi.

**C.** trẻ sơ sinh. **D.** trẻ vị thành niên.

**Câu 13. Loại hoocmon gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nam giới là**

**A.** ơstrôgen. **B.** prôgestêrôn. **C.** ôxitôxin. **D.** testôstêrôn.

**Câu 14. Từ năm 2005, do nhu cầu insulin dùng trong chữa trị bệnh tiểu đường trên thế giới tăng nên các nhà khoa học đã nghiên cứu và thành công trong việc tách chiết insulin từ tuyến tụy của bò sang tiêm cho người để chữa bệnh tiểu đường. Ví dụ trên thể hiện tính chất nào của hoocmon?**

**A.** Hoạt tính sinh học cao. **B.** Hoạt tính sinh học thấp.

**C.** Đặc trưng cho loài. **D.** Không đặc trưng cho loài.

**Câu 15. Vitamin A là một thành phần cấu tạo nên rôđôpsin có ở tế bào que trong màng lưới của mắt. Nếu thiếu vitamin A, thì quá trình tổng hợp rôđôpsin bị ảnh hưởng là nguyên nhân gây ra bệnh**

**A.** quáng gà. **B.** khô mắt. **C.** đau mắt đỏ. **D.** viêm giác mạc.

**Câu 16. Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmon nào dưới đây?**

**A.** Cooctizon. **B.** ACTH. **C.** Insulin. **D.** Glucagon.

**Câu 17. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng**

**A.** có thể đi theo vòi họng từ khoang tai ngoài tới khoang tai giữa.

**B.** có khả năng chống lại sự bảo vệ cơ thể của bạch cầu nên gây ra viêm tai giữa.

**C.** có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**D.** có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**Câu 18. Ếch sẽ nhảy và bơi loạng choạng khi phá hủy một phần**

**A.** não trung gian. **B.** đại não. **C.** tiểu não. **D.** trụ não.

**Câu 19. Ở vỏ não người, rãnh đỉnh là nơi ngăn cách giữa**

**A.** thùy đỉnh và thùy thái dương. **B.** thùy thái dương và thùy chẩm.

**C.** thùy trán với thùy đỉnh. **D.** thùy chẩm với thùy đỉnh.

**Câu 20. Tuyến giáp là tuyến lớn nhất trong hệ nội tiết có khối lượng khoảng**

**A.** 40 – 45g. **B.** 30 – 35g. **C.** 10 – 15g. **D.** 20 – 25g .

**II) TỰ LUẬN: (5 điểm) Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra.**

**Câu 21 (2 điểm):** Trình bày đặc điểm của tuyến yên.

**Câu 22 (2 điểm):** So sánh phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.

**Câu 23** **(1 điểm):** Bệnh tiểu đường, theo y học còn gọi là bệnh đái tháo đường, là một bệnh rối loạn chuyển hóa mạn tính rất phổ biến. Khi mắc bệnh tiểu đường, cơ thể bạn mất đi khả năng sử dụng hoặc sản xuất ra hormone insulin một cách thích hợp. Vậy nguyên nhân nào gây ra bệnh tiểu đường? Cách phòng tránh bệnh tiểu đường là gì?

***Chúc các con làm bài tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Mã đề: HKII.SH8.104** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.*  *Ngày thi: 03/05/2023* |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.**

**Câu 1. Loại hoocmon gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nam giới là**

**A.** ôxitôxin. **B.** testôstêrôn. **C.** ơstrôgen. **D.** prôgestêrôn.

**Câu 2. Ếch sẽ nhảy và bơi loạng choạng khi phá hủy một phần**

**A.** não trung gian. **B.** đại não. **C.** trụ não. **D.** tiểu não.

**Câu 3. Tuyến giáp là tuyến lớn nhất trong hệ nội tiết có khối lượng khoảng**

**A.** 30 – 35g. **B.** 20 – 25g . **C.** 10 – 15g. **D.** 40 – 45g.

**Câu 4. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là**

**A.** màng tiền đình. **B.** màng nhĩ. **C.** màng cơ sở. **D.** màng bầu dục.

**Câu 5. Ở người não trung gian có chức năng**

**A.** điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**B.** là trung ương điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt.

**C.** điều khiến các hoạt động có ý thức ở người.

**D.** điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

**Câu 6. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng**

**A.** có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**B.** có thể đi theo vòi họng từ khoang tai ngoài tới khoang tai giữa.

**C.** có khả năng chống lại sự bảo vệ cơ thể của bạch cầu nên gây ra viêm tai giữa.

**D.** có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**Câu 7. Dấu hiệu nào dưới đây thường xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam?**

**A.** Xuất hiện kinh nguyệt. **B.** Da dẻ mịn màng.

**C.** Sụn giáp phát triển, lộ hầu. **D.** Hông nở rộng.

**Câu 8. Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmon nào dưới đây?**

**A.** Insulin. **B.** Cooctizon. **C.** ACTH. **D.** Glucagon.

**Câu 9. Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình**

**A.** khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật.

**B.** cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật.

**C.** cụ thể hóa các sự vật, hiện tượng.

**D.** cụ thể hóa và phân tích các sự vật.

**Câu 10. Vitamin A là một thành phần cấu tạo nên rôđôpsin có ở tế bào que trong màng lưới của mắt. Nếu thiếu vitamin A, thì quá trình tổng hợp rôđôpsin bị ảnh hưởng là nguyên nhân gây ra bệnh**

**A.** viêm giác mạc. **B.** đau mắt đỏ. **C.** quáng gà. **D.** khô mắt.

**Câu 11. Ống tai có chức năng**

**A.** hứng sóng âm **B.** tiết ra ráy tai. **C.** thu nhận sóng âm. **D.** hướng sóng âm.

**Câu 12. Ở người, sự học tập, rèn luyện, xây dựng hay thay đổi các thói quen là kết quả của quá trình hình thành**

**A.** và ức chế các phản xạ có điều kiện. **B.** các phản xạ có điều kiện.

**C.** các phản xạ không điều kiện. **D.** và ức chế các phản xạ không điều kiện.

**Câu 13. Ví dụ không phải về phản xạ có điều kiện là**

**A.** chảy nước miếng khi nhìn thấy quả sấu.

**B.** đi xe ngược chiều, dàn hàng ba, hàng bốn.

**C.** vã mồ hôi, mặt đỏ gay gắt khi đi trời nắng.

**D.** run lập cập khi mẹ biết điểm bài kiểm tra.

**Câu 14. Ở vỏ não người, rãnh đỉnh là nơi ngăn cách giữa**

**A.** thùy thái dương và thùy chẩm.

**B.** thùy đỉnh và thùy thái dương.

**C.** thùy trán với thùy đỉnh.

**D.** thùy chẩm với thùy đỉnh.

**Câu 15. Tuyến nội tiết là tuyến**

**A.** có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào máu.

**B.** không có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào máu.

**C.** có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào tế bào.

**D.** không có ống dẫn, chất tiết ngấm thẳng vào tế bào.

**Câu 16. Từ năm 2005, do nhu cầu insulin dùng trong chữa trị bệnh tiểu đường trên thế giới tăng nên các nhà khoa học đã nghiên cứu và thành công trong việc tách chiết insulin từ tuyến tụy của bò sang tiêm cho người để chữa bệnh tiểu đường. Ví dụ trên thể hiện tính chất nào của hoocmon?**

**A.** Hoạt tính sinh học thấp. **B.** Không đặc trưng cho loài.

**C.** Hoạt tính sinh học cao. **D.** Đặc trưng cho loài.

**Câu 17. Bộ phận không nằm ở tai trong là**

**A.** ống bán khuyên. **B.** cơ quan Coocti. **C.** ốc tai. **D.** chuỗi xương tai.

**Câu 18. Đối tượng có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất là**

**A.** người cao tuổi. **B.** người trưởng thành.

**C.** trẻ sơ sinh. **D.** trẻ vị thành niên.

**Câu 19. Khi đói thì tuyến tụy tiết ra glucagon có tác dụng**

**A.** kích thích tế bào sản sinh năng lượng.

**B.** chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ.

**C.** chuyển glycogen dự trữ thành glucozo.

**D.** gây cảm giác đói để cơ thể bổ sung năng lượng.

**Câu 20. Trong cơ thể người, tuyến nội tiết nào đóng vai trò chỉ đạo hoạt động của hầu hết các tuyến nội tiết khác?**

**A.** Tuyến sinh dục. **B.** Tuyến giáp. **C.** Tuyến tụy. **D.** Tuyến yên.

**II) TỰ LUẬN: (5 điểm) Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra.**

**Câu 21 (2 điểm):** Trình bày đặc điểm của tuyến yên.

**Câu 22 (2 điểm):** So sánh phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện.

**Câu 23** **(1 điểm):** Bệnh tiểu đường, theo y học còn gọi là bệnh đái tháo đường, là một bệnh rối loạn chuyển hóa mạn tính rất phổ biến. Khi mắc bệnh tiểu đường, cơ thể bạn mất đi khả năng sử dụng hoặc sản xuất ra hormone insulin một cách thích hợp. Vậy nguyên nhân nào gây ra bệnh tiểu đường? Cách phòng tránh bệnh tiểu đường là gì?

***Chúc các con làm bài tốt!***

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Mã đề: HKII.SH8.201** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.*  *Ngày thi: 03/05/2023* |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.**

**A.** trụ não. **B.** não trung gian. **C.** đại não. **D.** tiểu não.

**Câu 2. Ở người tiểu não có chức năng**

**A.** là trung ương điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt

**B.** điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

**C.** điều khiến các hoạt động có ý thức ở người.

**D.** điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**Câu 3. Ở vỏ não người, rãnh thái dương là nơi ngăn cách giữa**

**A.** thùy đỉnh và thùy thái dương. **B.** thùy chẩm với thùy đỉnh.

**C.** thùy thái dương và thùy chẩm. **D.** thùy trán với thùy đỉnh.

**Câu 4. Tai ngoài có chức năng**

**A.** hứng sóng âm và hướng sóng âm.

**B.** xử lí các kích thích về sóng âm.

**C.** thu nhận các thông tin về sự chuyển động của cơ thể.

**D.** truyền sóng âm về não bộ

**Câu 5. Phản xạ không điều kiện là phản xạ**

**A.** đã được hình thành trong quá trình sống.

**B.** sinh ra đã có, không cần phải học tập.

**C.** sinh ra đã có, nhưng phải học tập mới biết được.

**D.** được hình thành trong đời sống cá thể.

**Câu 6. Loại hoocmon gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nữ giới là**

**A.** ơstrôgen. **B.** testôstêrôn. **C.** prôgestêrôn. **D.** ôxitôxin.

**Câu 7. Hoocmon được tiết ra từ tuyến tụy là**

**A.** FSH. **B.** LH. **C.** Insullin **D.** Ơstrôgen.

**Câu 8. Iôt là thành phần không thể thiếu trong hoocmôn**

**A.** tirôxin. **B.** ôxitôxin. **C.** canxitônin. **D.** glucagôn.

**Câu 9. Bộ phận không nằm ở tai ngoài là**

**A.** ốc tai. **B.** màng nhĩ. **C.** vành tai. **D.** ống tai.

**Câu 10. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là**

**A.** màng nhĩ. **B.** màng tiền đình. **C.** màng của bầu dục. **D.** màng cơ sở.

**Câu 11. Tuyến giáp còn tiết ra hoocmon canxitonin cùng hoocmon của tuyến cận giáp có tác dụng**

**A.** giúp trẻ em hấp thụ canxi tốt để phát triển. **B.** điều hòa photpho trong máu.

**C.** tham gia điều hòa canxi và photpho trong máu. **D.** điều hòa canxi trong máu.

**Câu 12. Chức năng ngoại tiết của tụy là tiết**

**A.** hoocmon điều hòa lượng đường trong máu.

**B.** dịch tụy theo ống dẫn đổ vào tá tràng, giúp cho sự biến đổ thức ăn.

**C.** dịch glucagon để chuyển hóa glycogen được dự trữ ở gan.

**D.** dịch insulin để tích lũy glucozo ở trong máu.

**Câu 13. Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình**

**A.** cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật.

**B.** cụ thể hóa và phân tích các sự vật.

**C.** khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật.

**D.** cụ thể hóa các sự vật, hiện tượng.

**Câu 14. Ví dụ về phản xạ có điều kiện là**

**A.** chạm tay vào vật nóng rụt tay lại.

**B.** ho khi có dị vật rơi vào đường hô hấp

**C.** vã mồ hôi, mặt đỏ gay gắt khi đi trời nắng.

**D.** run lập cập khi mẹ biết điểm bài kiểm tra.

**Câu 15. Từ năm 2005, do nhu cầu insulin dùng trong chữa trị bệnh tiểu đường trên thế giới tăng nên các nhà khoa học đã nghiên cứu và thành công trong việc tách chiết insulin từ tuyến tụy của bò sang tiêm cho người để chữa bệnh tiểu đường. Ví dụ trên thể hiện tính chất nào của hoocmon?**

**A.** Đặc trưng cho loài. **B.** Hoạt tính sinh học cao.

**C.** Không đặc trưng cho loài. **D.** Hoạt tính sinh học thấp.

**Câu 16. Dấu hiệu nào dưới đây thường xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam?**

**A.** Sụn giáp phát triển, lộ hầu. **B.** Hông nở rộng.

**C.** Vú phát triển. **D.** Xuất hiện kinh nguyệt.

**Câu 17. Vitamin A là một thành phần cấu tạo nên rôđôpsin có ở tế bào que trong màng lưới của mắt. Nếu thiếu vitamin A, thì quá trình tổng hợp rôđôpsin bị ảnh hưởng là nguyên nhân gây ra bệnh**

**A.** quáng gà. **B.** khô mắt. **C.** viêm giác mạc. **D.** đau mắt đỏ.

**Câu 18. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng**

**A.** có thể đi theo vòi họng từ khoang tai ngoài tới khoang tai giữa.

**B.** có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**C.** có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**D.** có khả năng chống lại sự bảo vệ cơ thể của bạch cầu nên gây ra viêm tai giữa.

**Câu 19. Đối tượng có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất là**

**A.** trẻ sơ sinh. **B.** người cao tuổi.

**C.** người trưởng thành. **D.** trẻ vị thành niên.

**Câu 20. Khi đói thì tuyến tụy tiết ra hoocmon glucagon có tác dụng**

**A.** chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ.

**B.** kích thích tế bào sản sinh năng lượng.

**C.** chuyển glycogen dự trữ thành glucozo.

**D.** gây cảm giác đói để cơ thể bổ sung năng lượng.

**II) TỰ LUẬN: (5 điểm) Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra.**

**Câu 21 (2 điểm):** Trình bày đặc điểm của tuyến giáp.

**Câu 22 (2 điểm):** So sánh khái niệm, nguyên nhân, biện pháp khắc phục của tật cận thị và tật viễn thị.

**Câu 23** **(1 điểm):** Vì sao khi tham gia giao thông người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe máy, xe máy điện phải đội mũ bảo hiểm?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Mã đề: HKII.SH8.202** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.*  *Ngày thi: 03/05/2023* |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.**

**Câu 1. Đối tượng có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất là**

**A.** trẻ sơ sinh. **B.** trẻ vị thành niên.

**C.** người trưởng thành. **D.** người cao tuổi.

**Câu 2. Phản xạ không điều kiện là phản xạ**

**A.** được hình thành trong đời sống cá thể.

**B.** sinh ra đã có, nhưng phải học tập mới biết được.

**C.** sinh ra đã có, không cần phải học tập.

**D.** đã được hình thành trong quá trình sống.

**Câu 3. Từ năm 2005, do nhu cầu insulin dùng trong chữa trị bệnh tiểu đường trên thế giới tăng nên các nhà khoa học đã nghiên cứu và thành công trong việc tách chiết insulin từ tuyến tụy của bò sang tiêm cho người để chữa bệnh tiểu đường. Ví dụ trên thể hiện tính chất nào của hoocmon?**

**A.** Đặc trưng cho loài. **B.** Hoạt tính sinh học cao.

**C.** Hoạt tính sinh học thấp. **D.** Không đặc trưng cho loài.

**Câu 4. Ở người tiểu não có chức năng**

**A.** điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

**B.** là trung ương điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt

**C.** điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**D.** điều khiến các hoạt động có ý thức ở người.

**Câu 5. Ở vỏ não người, rãnh thái dương là nơi ngăn cách giữa**

**A.** thùy thái dương và thùy chẩm. **B.** thùy chẩm với thùy đỉnh.

**C.** thùy trán với thùy đỉnh. **D.** thùy đỉnh và thùy thái dương.

**Câu 6. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng**

**A.** có thể đi theo vòi họng từ khoang tai ngoài tới khoang tai giữa.

**B.** có khả năng chống lại sự bảo vệ cơ thể của bạch cầu nên gây ra viêm tai giữa.

**C.** có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**D.** có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**Câu 7. Bộ phận không nằm ở tai ngoài là**

**A.** vành tai. **B.** màng nhĩ. **C.** ống tai. **D.** ốc tai.

**Câu 8. Chức năng ngoại tiết của tụy là tiết**

**A.** hoocmon điều hòa lượng đường trong máu.

**B.** dịch insulin để tích lũy glucozo ở trong máu.

**C.** dịch glucagon để chuyển hóa glycogen được dự trữ ở gan.

**D.** dịch tụy theo ống dẫn đổ vào tá tràng, giúp cho sự biến đổ thức ăn.

**Câu 9. Ếch sẽ nhảy và bơi loạng choạng khi phá hủy một phần**

**A.** trụ não. **B.** đại não. **C.** tiểu não. **D.** não trung gian.

**Câu 10. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là**

**A.** màng tiền đình. **B.** màng của bầu dục. **C.** màng cơ sở. **D.** màng nhĩ.

**Câu 11. Loại hoocmon gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nữ giới là**

**A.** prôgestêrôn. **B.** testôstêrôn. **C.** ôxitôxin. **D.** ơstrôgen.

**Câu 12. Vitamin A là một thành phần cấu tạo nên rôđôpsin có ở tế bào que trong màng lưới của mắt. Nếu thiếu vitamin A, thì quá trình tổng hợp rôđôpsin bị ảnh hưởng là nguyên nhân gây ra bệnh**

**A.** khô mắt. **B.** đau mắt đỏ. **C.** viêm giác mạc. **D.** quáng gà.

**Câu 13. Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình**

**A.** cụ thể hóa các sự vật, hiện tượng.

**B.** cụ thể hóa và phân tích các sự vật.

**C.** cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật.

**D.** khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật.

**Câu 14. Hoocmon được tiết ra từ tuyến tụy là**

**A.** Insullin **B.** FSH. **C.** LH. **D.** Ơstrôgen.

**Câu 15. Ví dụ về phản xạ có điều kiện là**

**A.** vã mồ hôi, mặt đỏ gay gắt khi đi trời nắng.

**B.** run lập cập khi mẹ biết điểm bài kiểm tra.

**C.** chạm tay vào vật nóng rụt tay lại.

**D.** ho khi có dị vật rơi vào đường hô hấp

**Câu 16. Dấu hiệu nào dưới đây thường xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam?**

**A.** Vú phát triển. **B.** Sụn giáp phát triển, lộ hầu.

**C.** Xuất hiện kinh nguyệt. **D.** Hông nở rộng.

**Câu 17. Tai ngoài có chức năng**

**A.** hứng sóng âm và hướng sóng âm.

**B.** xử lí các kích thích về sóng âm.

**C.** thu nhận các thông tin về sự chuyển động của cơ thể.

**D.** truyền sóng âm về não bộ

**Câu 18. Tuyến giáp còn tiết ra hoocmon canxitonin cùng hoocmon của tuyến cận giáp có tác dụng**

**A.** giúp trẻ em hấp thụ canxi tốt để phát triển.

**B.** điều hòa canxi trong máu.

**C.** điều hòa photpho trong máu.

**D.** tham gia điều hòa canxi và photpho trong máu.

**Câu 19. Khi đói thì tuyến tụy tiết ra hoocmon glucagon có tác dụng**

**A.** gây cảm giác đói để cơ thể bổ sung năng lượng.

**B.** chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ.

**C.** kích thích tế bào sản sinh năng lượng.

**D.** chuyển glycogen dự trữ thành glucozo.

**Câu 20. Iôt là thành phần không thể thiếu trong hoocmôn**

**A.** tirôxin. **B.** ôxitôxin. **C.** glucagôn. **D.** canxitônin.

**II) TỰ LUẬN: (5 điểm) Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra.**

**Câu 21 (2 điểm):** Trình bày đặc điểm của tuyến giáp.

**Câu 22 (2 điểm):** So sánh khái niệm, nguyên nhân, biện pháp khắc phục của tật cận thị và tật viễn thị.

**Câu 23** **(1 điểm):** Vì sao khi tham gia giao thông người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe máy, xe máy điện phải đội mũ bảo hiểm?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Mã đề: HKII.SH8.203** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.*  *Ngày thi: 03/05/2023* |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.**

**Câu 1. Ví dụ về phản xạ có điều kiện là**

**A.** vã mồ hôi, mặt đỏ gay gắt khi đi trời nắng.

**B.** ho khi có dị vật rơi vào đường hô hấp

**C.** chạm tay vào vật nóng rụt tay lại.

**D.** run lập cập khi mẹ biết điểm bài kiểm tra.

**Câu 2. Ở vỏ não người, rãnh thái dương là nơi ngăn cách giữa**

**A.** thùy đỉnh và thùy thái dương. **B.** thùy chẩm với thùy đỉnh.

**C.** thùy trán với thùy đỉnh. **D.** thùy thái dương và thùy chẩm.

**Câu 3. Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình**

**A.** khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật. **B.** cụ thể hóa và phân tích các sự vật.

**C.** cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật. **D.** cụ thể hóa các sự vật, hiện tượng.

**Câu 4. Tai ngoài có chức năng**

**A.** hứng sóng âm và hướng sóng âm.

**B.** xử lí các kích thích về sóng âm.

**C.** truyền sóng âm về não bộ

**D.** thu nhận các thông tin về sự chuyển động của cơ thể.

**Câu 5. Iôt là thành phần không thể thiếu trong hoocmôn**

**A.** canxitônin. **B.** tirôxin. **C.** ôxitôxin. **D.** glucagôn.

**Câu 6. Khi đói thì tuyến tụy tiết ra hoocmon glucagon có tác dụng**

**A.** chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ.

**B.** chuyển glycogen dự trữ thành glucozo.

**C.** gây cảm giác đói để cơ thể bổ sung năng lượng.

**D.** kích thích tế bào sản sinh năng lượng.

**Câu 7. Ở người tiểu não có chức năng**

**A.** là trung ương điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt

**B.** điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**C.** điều khiến các hoạt động có ý thức ở người.

**D.** điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

**Câu 8. Loại hoocmon gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nữ giới là**

**A.** prôgestêrôn. **B.** ơstrôgen. **C.** testôstêrôn. **D.** ôxitôxin.

**Câu 9. Phản xạ không điều kiện là phản xạ**

**A.** đã được hình thành trong quá trình sống. **B.** được hình thành trong đời sống cá thể.

**C.** sinh ra đã có, nhưng phải học tập mới biết được. **D.** sinh ra đã có, không cần phải học tập.

**Câu 10. Đối tượng có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất là**

**A.** người cao tuổi. **B.** người trưởng thành. **C.** trẻ vị thành niên. **D.** trẻ sơ sinh.

**Câu 11. Hoocmon được tiết ra từ tuyến tụy là**

**A.** LH. **B.** Insullin **C.** Ơstrôgen. **D.** FSH.

**Câu 12. Chức năng ngoại tiết của tụy là tiết**

**A.** dịch glucagon để chuyển hóa glycogen được dự trữ ở gan.

**B.** hoocmon điều hòa lượng đường trong máu.

**C.** dịch tụy theo ống dẫn đổ vào tá tràng, giúp cho sự biến đổ thức ăn.

**D.** dịch insulin để tích lũy glucozo ở trong máu.

**Câu 13. Tuyến giáp còn tiết ra hoocmon canxitonin cùng hoocmon của tuyến cận giáp có tác dụng**

**A.** điều hòa canxi trong máu.

**B.** điều hòa photpho trong máu.

**C.** giúp trẻ em hấp thụ canxi tốt để phát triển.

**D.** tham gia điều hòa canxi và photpho trong máu.

**Câu 14. Vitamin A là một thành phần cấu tạo nên rôđôpsin có ở tế bào que trong màng lưới của mắt. Nếu thiếu vitamin A, thì quá trình tổng hợp rôđôpsin bị ảnh hưởng là nguyên nhân gây ra bệnh**

**A.** đau mắt đỏ. **B.** viêm giác mạc. **C.** quáng gà. **D.** khô mắt.

**Câu 15. Bộ phận không nằm ở tai ngoài là**

**A.** vành tai. **B.** ốc tai. **C.** màng nhĩ. **D.** ống tai.

**Câu 16. Ếch sẽ nhảy và bơi loạng choạng khi phá hủy một phần**

**A.** não trung gian. **B.** trụ não. **C.** tiểu não. **D.** đại não.

**Câu 17. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là**

**A.** màng của bầu dục. **B.** màng nhĩ. **C.** màng cơ sở. **D.** màng tiền đình.

**Câu 18. Dấu hiệu nào dưới đây thường xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam?**

**A.** Vú phát triển. **B.** Xuất hiện kinh nguyệt.

**C.** Hông nở rộng. **D.** Sụn giáp phát triển, lộ hầu.

**Câu 19. Từ năm 2005, do nhu cầu insulin dùng trong chữa trị bệnh tiểu đường trên thế giới tăng nên các nhà khoa học đã nghiên cứu và thành công trong việc tách chiết insulin từ tuyến tụy của bò sang tiêm cho người để chữa bệnh tiểu đường. Ví dụ trên thể hiện tính chất nào của hoocmon?**

**A.** Hoạt tính sinh học cao. **B.** Hoạt tính sinh học thấp.

**C.** Không đặc trưng cho loài. **D.** Đặc trưng cho loài.

**Câu 20. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng**

**A.** có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**B.** có thể đi theo vòi họng từ khoang tai ngoài tới khoang tai giữa.

**C.** có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**D.** có khả năng chống lại sự bảo vệ cơ thể của bạch cầu nên gây ra viêm tai giữa.

**II) TỰ LUẬN: (5 điểm) Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra.**

**Câu 21 (2 điểm):** Trình bày đặc điểm của tuyến giáp.

**Câu 22 (2 điểm):** So sánh khái niệm, nguyên nhân, biện pháp khắc phục của tật cận thị và tật viễn thị.

**Câu 23** **(1 điểm):** Vì sao khi tham gia giao thông người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe máy, xe máy điện phải đội mũ bảo hiểm?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023**  **Mã đề: HKII.SH8.204** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8**  *Thời gian làm bài 45 phút.*  *Ngày thi: 03/05/2023* |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Học sinh tô kín đáp án đúng nhất bằng bút chì cho các câu hỏi sau vào giấy kiểm tra được phát.**

**Câu 1. Dấu hiệu nào dưới đây thường xuất hiện ở tuổi dậy thì của nam?**

**A.** Hông nở rộng. **B.** Vú phát triển.

**C.** Xuất hiện kinh nguyệt. **D.** Sụn giáp phát triển, lộ hầu.

**Câu 2. Hoocmon được tiết ra từ tuyến tụy là**

**A.** Ơstrôgen. **B.** Insullin **C.** LH. **D.** FSH.

**Câu 3. Phản xạ không điều kiện là phản xạ**

**A.** được hình thành trong đời sống cá thể.

**B.** sinh ra đã có, không cần phải học tập.

**C.** đã được hình thành trong quá trình sống.

**D.** sinh ra đã có, nhưng phải học tập mới biết được.

**Câu 4. Chức năng ngoại tiết của tụy là tiết**

**A.** hoocmon điều hòa lượng đường trong máu.

**B.** dịch insulin để tích lũy glucozo ở trong máu.

**C.** dịch glucagon để chuyển hóa glycogen được dự trữ ở gan.

**D.** dịch tụy theo ống dẫn đổ vào tá tràng, giúp cho sự biến đổ thức ăn.

**Câu 5. Ngăn cách giữa tai ngoài và tai giữa là**

**A.** màng cơ sở. **B.** màng của bầu dục. **C.** màng nhĩ. **D.** màng tiền đình.

**Câu 6. Trẻ bị viêm họng thường dễ dẫn đến viêm tai giữa vì vi sinh vật gây viêm họng**

**A.** có thể theo vòi nhĩ tới khoang tai giữa và gây viêm tại vị trí này.

**B.** có thể biến đổi về cấu trúc và theo thời gian sẽ gây viêm tai giữa.

**C.** có khả năng chống lại sự bảo vệ cơ thể của bạch cầu nên gây ra viêm tai giữa.

**D.** có thể đi theo vòi họng từ khoang tai ngoài tới khoang tai giữa.

**Câu 7. Ở vỏ não người, rãnh thái dương là nơi ngăn cách giữa**

**A.** thùy trán với thùy đỉnh. **B.** thùy đỉnh và thùy thái dương.

**C.** thùy chẩm với thùy đỉnh. **D.** thùy thái dương và thùy chẩm.

**Câu 8. Ở người tiểu não có chức năng**

**A.** điều khiển, điều hòa hoạt động của các nội quan đặc biệt là hoạt động tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa.

**B.** là trung ương điều khiển quá trình trao đổi chất và điều hòa thân nhiệt

**C.** điều khiến các hoạt động có ý thức ở người.

**D.** điều hòa, phối hợp các cử động phức tạp và giúp giữ thăng bằng cơ thể.

**Câu 9. Từ năm 2005, do nhu cầu insulin dùng trong chữa trị bệnh tiểu đường trên thế giới tăng nên các nhà khoa học đã nghiên cứu và thành công trong việc tách chiết insulin từ tuyến tụy của bò sang tiêm cho người để chữa bệnh tiểu đường. Ví dụ trên thể hiện tính chất nào của hoocmon?**

**A.** Hoạt tính sinh học cao. **B.** Đặc trưng cho loài.

**C.** Không đặc trưng cho loài. **D.** Hoạt tính sinh học thấp.

**Câu 10. Loại hoocmon gây ra những biến đổi cơ thể ở tuổi dậy thì của nữ giới là**

**A.** testôstêrôn. **B.** ôxitôxin. **C.** ơstrôgen. **D.** prôgestêrôn.

**Câu 11. Tuyến giáp còn tiết ra hoocmon canxitonin cùng hoocmon của tuyến cận giáp có tác dụng**

**A.** tham gia điều hòa canxi và photpho trong máu.

**B.** giúp trẻ em hấp thụ canxi tốt để phát triển.

**C.** điều hòa photpho trong máu.

**D.** điều hòa canxi trong máu.

**Câu 12. Tai ngoài có chức năng**

**A.** truyền sóng âm về não bộ

**B.** xử lí các kích thích về sóng âm.

**C.** hứng sóng âm và hướng sóng âm.

**D.** thu nhận các thông tin về sự chuyển động của cơ thể.

**Câu 13. Khi đói thì tuyến tụy tiết ra hoocmon glucagon có tác dụng**

**A.** gây cảm giác đói để cơ thể bổ sung năng lượng.

**B.** chuyển glycogen dự trữ thành glucozo.

**C.** kích thích tế bào sản sinh năng lượng.

**D.** chuyển glucozo thành glycogen dự trữ trong gan và cơ.

**Câu 14. Bộ phận không nằm ở tai ngoài là**

**A.** ốc tai. **B.** vành tai. **C.** màng nhĩ. **D.** ống tai.

**Câu 15. Tiếng nói và chữ viết là kết quả của quá trình**

**A.** cụ thể hóa và phân tích các sự vật. **B.** cụ thể hóa các sự vật, hiện tượng.

**C.** cụ thể hóa và khái quát hóa các sự vật. **D.** khái quát hóa và trừu tượng hóa các sự vật.

**Câu 16. Ếch sẽ nhảy và bơi loạng choạng khi phá hủy một phần**

**A.** tiểu não. **B.** trụ não. **C.** não trung gian. **D.** đại não.

**Câu 17. Ví dụ về phản xạ có điều kiện là**

**A.** run lập cập khi mẹ biết điểm bài kiểm tra.  **B.** ho khi có dị vật rơi vào đường hô hấp

**C.** chạm tay vào vật nóng rụt tay lại. **D.** vã mồ hôi, mặt đỏ gay gắt khi đi trời nắng.

**Câu 18. Vitamin A là một thành phần cấu tạo nên rôđôpsin có ở tế bào que trong màng lưới của mắt. Nếu thiếu vitamin A, thì quá trình tổng hợp rôđôpsin bị ảnh hưởng là nguyên nhân gây ra bệnh**

**A.** đau mắt đỏ. **B.** viêm giác mạc. **C.** quáng gà. **D.** khô mắt.

**Câu 19. Iôt là thành phần không thể thiếu trong hoocmôn**

**A.** canxitônin. **B.** glucagôn. **C.** tirôxin. **D.** ôxitôxin.

**Câu 20. Đối tượng có thời gian ngủ mỗi ngày nhiều nhất là**

**A.** người cao tuổi. **B.** người trưởng thành.

**C.** trẻ vị thành niên. **D.** trẻ sơ sinh.

**II) TỰ LUẬN: (5 điểm) Học sinh viết câu trả lời vào giấy kiểm tra.**

**Câu 21 (2 điểm):** Trình bày đặc điểm của tuyến giáp.

**Câu 22 (2 điểm):** So sánh khái niệm, nguyên nhân, biện pháp khắc phục của tật cận thị và tật viễn thị.

**Câu 23** **(1 điểm):** Vì sao khi tham gia giao thông người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe máy, xe máy điện phải đội mũ bảo hiểm?

|  |  |
| --- | --- |
| **PHÒNG GD – ĐT QUẬN LONG BIÊN**  **TRƯỜNG THCS THANH AM**  **Năm học: 2022 – 2023** | **HƯỚNG DẪN CHẤM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II**  **MÔN SINH HỌC 8** |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM: 5 điểm (Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)**

**Mã đề: HKII.SH8.101; HKII.SH8.102; HKII.SH8.103; HKII.SH8.104**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **101** | D | A | D | A | D | B | B | A | C | A |
| **102** | D | D | A | A | A | D | A | D | D | B |
| **103** | D | D | C | A | B | B | A | D | C | B |
| **104** | B | D | B | B | B | D | C | A | A | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **101** | D | C | C | C | C | A | A | B | A | C |
| **102** | B | C | B | A | D | B | C | B | C | D |
| **103** | D | C | D | D | A | C | D | C | C | D |
| **104** | D | A | C | C | B | B | D | C | C | D |

**Mã đề: HKII.SH8.201; HKII.SH8.202; HKII.SH8.203; HKII.SH8.204**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **101** | D | D | A | A | B | A | C | A | A | A |
| **102** | A | C | D | C | D | D | D | D | C | D |
| **103** | D | A | A | A | B | B | B | B | D | D |
| **104** | B | B | B | D | C | A | B | D | C | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **101** | C | B | C | D | C | C | A | B | A | C |
| **102** | D | D | D | A | B | A | A | D | D | A |
| **103** | B | C | D | C | B | C | B | A | C | C |
| **104** | A | C | B | A | D | A | A | C | C | D |

**PHẦN II. TỰ LUẬN: 5 điểm**

**Mã đề: HKII.SH8.101; HKII.SH8.102; HKII.SH8.103; HKII.SH8.104**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 21**  **(2 điểm)** | -Vị trí: Nằm ở nền sọ, có liên quan với vùng dưới đồi (thuộc não trung gian)  - Cấu tạo gồm 3 thùy: Thùy trước, thùy giữa, thùy sau.  - Vai trò:  + Tiết hooc môn kích thích hoạt động của nhiều tuyến nội tiết khác.  + Tiết hoóc môn ảnh hưởng một số quá trình sinh lí trong cơ thể: sự tăng trưởng của cơ thể, trao đổi chất đường, chất khoáng, co thắt cơ trơn tử cung, tiết sữa | *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm* |
| **Câu 22**  **(2 điểm)** | |  |  | | --- | --- | | **Tính chất của PXKĐK** | **Tính chất của PXCĐK** | | Trả lời các kích thích tương ứng hay kích thích không điều kiện | Trả lời các kích thích bất kì hay kích thích có điều kiện | | Bẩm sinh | Được hình thành trong đời sống cá thể | | Bền vững | Dễ mất đi khi không củng cố | | Có tính chất di truyền, mang tính chất chủng loại | Có tính chất cá thể, không di truyền | | Số lượng hạn chế | Số lượng không hạn định | | Cung phản xạ đơn giản | Hình thành đường liên hệ tham thời | | Trung ương nằm ở trụ não, tủy sống | Trung ương thần kinh có sự tham gia của vỏ não | | *0,5 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm* |
| **Câu 23**  **(1 điểm)** | - Tỉ lệ đường huyết ở mức ổn định trong cơ thể là 0,12%. Khi đường huyết tăng, tế bào **β** không tiết ra được insulin làm cho glucozo không được chuyển hóa thành glycogen. Khi đó đường trong máu nhiều sẽ bị thải ra ngoài qua đường nước tiểu => bệnh tiểu đường  -Cách phòng tránh bệnh tiểu đường:  + Tăng cường tập luyện thể dục thể thao  + Có chế độ ăn uống lành mạnh | *0,5 điểm*  *0,25 điểm*  *0,25 điểm* |

**Mã đề: HKII.SH8.201; HKII.SH8.202; HKII.SH8.203; HKII.SH8.204**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 21**  **(2 điểm)** | -Vị trí: Tuyến giáp nằm dưới sụn giáp, trên sụn khí quản.  - Cấu tạo: nặng chừng 20 – 25g, gồm có nang tuyến và tế bào tiết.  - Vai trò:  + Tiết hoocmôn Tirôxin (thành phần có Iốt) ảnh hưởng trao đổi và chuyển hóa các chất ở tế bào.  + Tiết hoocmôn Canxitônin cùng với hoocmôn tuyến cận giáp điều hòa canxi và phốt pho trong máu | *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm*  *0,5 điểm* |
| **Câu 22**  **(2 điểm)** | \*Giống nhau: đều là các tật mà mắt có thể mắc phải làm khả năng nhìn của mặt bị suy giảm  \*Khác nhau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Tật cận thị** | **Tật viễn thị** | | Khái niệm | Là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn gần | Là tật mà mắt chỉ có khả năng nhìn xa | | Nguyên nhân | Bẩm sinh do cầu mắt dài hoặc do không giữ đúng khoảng cách trong vệ sinh học đường làm cho thể thủy tinh luôn luôn bị phồng, lâu dần mất khả năng dãn | Bẩm sinh do cầu mắt ngắn, hoặc ở người già thể thủy tinh bị lão hóa, mất tính đàn hồi, không phồng được | | Biện pháp khắc phục | Đeo kình cận | Đeo kính lão | | *0,5 điểm*  *0,25x2 điểm*  *0,25x2 điểm*  *0,25x2 điểm* |
| **Câu 23**  **(1 điểm)** | - Phải đội mũ bảo hiểm để bảo vệ chính mình và hạn chế hậu quả do tai nạn giao thông gây ra, đặc biệt là chấn thương sọ não.  - Chấn thương sọ não để lại hậu quả rất nghiêm trọng như: mất trí nhớ, rối loạn tâm thần, liệt vận động, sống thực vật,… | *0,5 điểm*  *0,5 điểm* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BAN GIÁM HIỆU**  **(duyệt)**  ***Lê Thị Ngọc Anh*** | **TỔ CHUYÊN MÔN**  ***Khổng Thu Trang*** | **NGƯỜI LẬP**  ***Nguyễn Thị Thành Mơ*** |